TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm

2. Bà Vanh Si Tha

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1996, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tứ ân hiếu nghĩa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị D; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện T của Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh A (có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

Người chứng kiến: Ông Mai Thanh N (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Lê Văn Đ1 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 24/12/2024, tại nơi bị cáo Lê Văn Đ cư trú thuộc khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, Công an thị trấn B, huyện T

phát hiện bị cáo Lê Văn Đ ngồi ở gian sau nhà chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy; kế bên 01 bọc nilon màu trắng có rãnh khóa, có viền màu xanh, bên trong có chứa các tinh thể màu trắng (nghi là ma túy); 01 túi da màu nâu bên trong có chứa 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh hàn kín hai đầu, chứa tinh thể màu trắng. Qua làm việc, bị cáo Lê Văn Đ khai nhận 01 bọc nilon và 02 đoạn ống hút nhựa, chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá, bị cáo mua của 01 người không rõ họ và tên ở bến xe T với giá 500.000đồng về nhà để sử dụng thì bị bắt quả tang. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bọc nilon màu trắng có rãnh khóa, có viền màu xanh và 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh hàn kín hai đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 túi xách da màu nâu hiệu "KS" kích thước (11 x20) cm; 01 chai nỏ thủy tinh trong suốt có nắp đậy bằng mủ màu đỏ, phía trên có gắn một đoạn nỏ thủy tinh và một ống hút màu trắng - đỏ; 01 bật lửa màu xanh - trắng.

Kết luận giám định số: 1810/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh A, kết luận: 01 bọc nilon màu trắng có rãnh khóa, có viền màu xanh và 02 đoạn ống hút nhựa màu xanh hàn kín hai đầu, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M1, M2) gửi giám định là ma túy, loại Methemphetamine, có tổng khối lượng: 0,3712gam.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung vụ án, lời khai người làm chứng, người chứng kiến, kết luận giám định, các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Kết luận, bị cáo Lê Văn Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,3712gam. Cáo trạng số: 15/CT-VKTT ngày 03/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo Lê Văn Đ về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn Đ thừa nhận tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,3712gam nhằm mục đích sử dụng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về làm công dân tốt, người có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra và truy tố của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Người làm chứng ông Lê Văn Đ1, người chứng kiến Mai Thanh N vắng mặt tại phiên tòa. Những người vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai ở Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn; lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/12/2024, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, Kết luận giám định số: 1810/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh A, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 11 giờ 50 phút, ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại nơi bị cáo Lê Văn Đ cư trú thuộc khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, bị cáo Lê Văn Đ đã tàng trữ 0,3712gam (không phẩy ba bảy một hai gam) chất ma túy Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng.

[2.1] Hành vi của bị cáo Lê Văn Đ đã phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, mức hình phạt quy định bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[2.2] Bị cáo Lê Văn Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết M là chất ma túy, là chất Nhà nước cấm tàng trữ trái phép. Bị cáo cố ý tàng trữ 0,3712gam chất ma túy, loại Methamphetamine, vì mục đích sử dụng cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến việc quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn truy tố bị cáo Lê Văn Đ phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo lần đầu phạm tội, có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.4] Đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo biết ma túy là chất cấm tàng trữ, mua bán; sử dụng sẽ gây nghiện, gây ảnh hưởng đến sức khỏe. Bị cáo mua ma túy để sử dụng sẽ làm phát sinh người bán ma túy, gây mất an ninh trật tự xã hội, gây tâm lý lo lắng cho người dân. Tuy nhiên, Bị cáo tàng trữ 0,3712gam chất ma túy Methamphetamine thuộc mức khối lượng thấp trong điều luật quy định.

[2.5] Xét về nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án lần nào nên có nhân thân tốt.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi của bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo, sự khoan hồng nhằm mục đích cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, phòng ngừa đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo phải bắt chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định.

[3] Về vật chứng:

Khối lượng ma túy loại Methamphetamine mà bị cáo tàng trữ (sau khi giám định khối lượng còn lại là 0,3307gam) là chất Nhà nước cấm tàng trữ. Các vật chứng khác liên quan đến việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số 1810/KL-KTHS ngày 28/12/2024) có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Lê Văn V, bên trong có mẫu M1, M2 còn lại sau khi đã giám định là ma túy, loại Methamphetamine,

khối lượng: 0,3307gam; 01 túi xách da màu nâu hiệu "KS" kích thước (11 x20) cm; 01 chai nỏ thủy tinh trong suốt có nắp đậy bằng mủ màu đỏ, phía trên có gắn một đoạn nỏ thủy tinh và một ống hút màu trắng - đỏ; 01 bật lửa màu xanh - trắng. (Vật chứng này được quản lý bởi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (khi án có hiệu lực);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: Văn phòng, Thi hành án hình sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp